

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

I. Kết quả đạt được

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và 5 năm thực hiện Kết luận 21 Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí (PCTN, LP) đã được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các giải pháp khá đồng bộ, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét, với những kết quả nổi bật là:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về công tác tổ chức, cán bộ để PCTN, LP

1.1. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách về công tác cán bộ: Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương đã chỉ đạo xây dựng, ban hành nhiều quy định, hướng dẫn về công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, phân cấp mạnh cho cơ sở và tăng quyền hạn cho người đứng đầu. Quốc hội, Chính phủ và nhiều bộ, ngành Trung ương đã ban hành một số Luật, Nghị định, văn bản quy phạm pháp luật, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc công khai, minh bạch trong tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nhất là việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức; tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với một số chức danh lãnh đạo các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí: Trong 10 năm, cả nước đã có 918 người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu bị xử lý do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình trực tiếp quản lý, phụ trách⁽¹⁾. Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu đã có tác dụng răn đe, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong PCTN, LP.

1.3. Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức: Trong 10 năm, các bộ, ngành, địa phương đã chuyển đổi vị trí công tác 310.694 lượt cán bộ, công chức, viên chức để phòng ngừa tham nhũng⁽²⁾. Tuy số lượng cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi còn ít so với số cán bộ, công chức, viên chức phải chuyển đổi, nhưng đây là một trong

⁽¹⁾ Theo Báo cáo của Chính phủ tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN. Trong đó, xử lý hình sự 118 trường hợp; xử lý kỷ luật 800 trường hợp.

⁽²⁾ Theo Báo cáo của Chính phủ tổng kết 10 năm thực hiện Luật PCTN.

những biện pháp góp phần tích cực trong phòng ngừa tham nhũng, được một số ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện nhiều năm qua.

1.4. Minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức: Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện quy định của Luật PCTN về minh bạch tài sản, thu nhập, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành⁽³⁾. Các bộ, ngành địa phương đã triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức⁽⁴⁾. Qua 10 năm đã có 4.859 trường hợp được xác minh, phát hiện, xử lý kỷ luật 17 người kê khai tài sản không trung thực.

1.5. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức của đảng viên, cán bộ, công chức:

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xây dựng và tổ chức thực hiện quy tắc, chuẩn mực ứng xử, đạo đức của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, quy định rõ những điều cán bộ, công chức, viên chức không được làm; những điều cán bộ, công chức, viên chức phải làm và những điều cán bộ, công chức, viên chức nên làm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc trong thi hành nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; thường xuyên kiểm tra để chấn chỉnh kịp thời vi phạm⁽⁵⁾; qua đó góp phần hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, nâng cao chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức đối với người dân, doanh nghiệp.

1.6. Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương, giao quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Đã có 741 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành được giao tự chủ về tài chính⁽⁶⁾; tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có 24.890 đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính⁽⁷⁾. Nhiều bộ,

⁽³⁾ Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, Nghị định số 78/2013/NĐ-CP quy định về minh bạch tài sản; Nghị định số 68/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg về Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Khoản 11 Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP. Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

⁽⁴⁾ Năm 2008: có 313.317 người kê khai lần đầu. Năm 2009: có 388.404 người kê khai lần đầu và 238.455 người kê khai bổ sung. Năm 2010: có 105.070 người kê khai lần đầu và 514.524 người kê khai bổ sung. Năm 2011: có 131.980 người kê khai lần đầu và 529.289 người kê khai bổ sung. Năm 2012 có 113.436 người kê khai lần đầu; 519.320 người kê khai bổ sung; có 376.197 người được công khai bản kê khai tài sản, thu nhập. Năm 2013 có 944.425 người kê khai; số bản kê khai tài sản, thu nhập được công khai là 914.245 bản. Năm 2014 có 1.008.949 người kê khai tài sản, thu nhập; Số bản kê khai tài sản, thu nhập được công khai là 998.827 bản. Năm 2015 có 1.004.231 người kê khai tài sản, thu nhập; số bản kê khai tài sản, thu nhập được công khai là 993.127 bản.

⁽⁵⁾ Theo Báo cáo năm năm thực hiện Luật PCTN của Chính phủ, cả nước đã kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử tại 48.411 cơ quan, đơn vị, phát hiện và chấn chỉnh sai phạm đối với 3.376 cán bộ, công chức.

⁽⁶⁾ Trong đó có 208 đơn vị tự bảo đảm toàn bộ kinh phí (đạt tỷ lệ 28%); 461 đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí (đạt tỷ lệ 62,2%) và 72 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (đạt tỷ lệ 9,8%).

⁽⁷⁾ Trong đó có 637 đơn vị tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (đạt tỷ lệ 2,6%); 9.970 đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động (đạt tỷ lệ 40%); 14.283 đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động (đạt tỷ lệ 57,4%).

ngành, địa phương báo cáo kết quả tiết kiệm từ cơ chế giao quyền tự chủ đạt khá⁽⁸⁾; từ đó tạo nguồn để bổ sung thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ, công chức, góp phần PCTN, LP⁽⁹⁾.

2. Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán; công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên các lĩnh vực theo quy định của pháp luật

2.1. Công tác cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán có tiến bộ ở hầu hết các cấp chính quyền, nhất là sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020...

Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ; triển khai đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020; thiết lập và công bố Bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại 4 cấp chính quyền và công khai trên mạng Internet; chuẩn hóa và thống nhất được bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng rút gọn⁽¹⁰⁾.

2.2. Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt những kết quả tích cực: Trên cơ sở Quyết định số 77/2007/QĐ-TTg, ngày 28-5-2007, Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg, ngày 04-5-2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, nhiều bộ, ngành, địa phương đã xây dựng Quy chế phát ngôn và tổ chức việc cung cấp thông tin cho báo chí theo định kỳ. Các bộ, ngành, địa phương cũng đã quan tâm thực hiện việc kiểm tra để phát hiện, chấn chỉnh những sai phạm trong thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽¹¹⁾.

3. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

⁽⁸⁾ Bộ Công an tiết kiệm được 628 tỷ đồng; Bộ Quốc phòng tiết kiệm được 37 tỷ đồng; Bộ Tư pháp tiết kiệm 176 tỷ đồng; Ngân hàng Nhà nước tiết kiệm 217 tỷ đồng; Hà Nội tiết kiệm được 1.994 tỷ đồng; Quảng Ngãi tiết kiệm được 212 tỷ đồng; Đồng Tháp tiết kiệm được 140 tỷ đồng; Đắk Lắk tiết kiệm được 95 tỷ đồng; Quảng Nam đã tiết kiệm được 104 tỷ đồng v.v...

⁽⁹⁾ Mức chi trả thu nhập tăng thêm từ kinh phí tiết kiệm được bình quân là từ 0,1 lần đến 0,5 lần mức lương cấp bậc, chức vụ đối với cơ quan hành chính và từ 0,5 lần đến 1,5 lần tiền lương cấp bậc đối với đơn vị sự nghiệp.

⁽¹⁰⁾ Các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đơn giản hóa 4.219/4.712 thủ tục hành chính đã được Chính phủ phê duyệt tại 25 nghị quyết chuyên đề (đạt tỷ lệ 89,5%). Đã thiết lập và công bố Bộ cơ sở dữ liệu quốc gia gồm 102.911 hồ sơ thủ tục hành chính và 9.855 hồ sơ văn bản có liên quan về thủ tục hành chính tại 4 cấp chính quyền và công khai trên mạng Internet; chuẩn hóa và thống nhất được bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng rút gọn từ 10.000 bộ thủ tục hành chính cấp xã và 700 bộ thủ tục hành chính cấp huyện xuống còn 63 bộ ở mỗi cấp.

⁽¹¹⁾ Từ năm 2006-2015 đã kiểm tra 64.242 cơ quan, đơn vị, phát hiện, chấn chỉnh, xử lý 2.406 cơ quan, đơn vị có vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động.

3.1. Việc xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý kinh tế - xã hội đã được quan tâm thực hiện, có tác dụng thiết thực trong phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí, như: đất đai, tài nguyên, khoáng sản, ngân sách, thuế, hải quan, đầu tư công, đấu thầu, đấu giá tài sản, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, doanh nghiệp, đầu tư, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước⁽¹²⁾ v.v... Các bộ, ngành Trung ương cũng đã quan tâm xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội có tác dụng phòng ngừa tham nhũng trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao⁽¹³⁾.

3.2. Các cơ quan chức năng đã tập trung và có nhiều cố gắng trong xây dựng, hoàn thiện thể chế phục vụ PCTN, LP tạo cơ sở chính trị, pháp lý đồng bộ cho công tác PCTN, LP trước mắt cũng như lâu dài. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 45 Nghị định, Quyết định, Chỉ thị để cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), Luật PCTN, Luật THTK, CLPi. Các bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành mới 42.168 văn bản; sửa đổi, bổ sung trên 55.416 văn bản để thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) và Luật PCTN. Đến nay, hệ thống pháp luật nói chung trong đó có pháp luật về PCTN, LP đang dần được hoàn thiện đồng bộ, cơ bản bảo đảm cơ sở chính trị, pháp lý cho công tác PCTN, LP.

4. Phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí và thu hồi tài sản tham nhũng

4.1. Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giải quyết tố cáo:

a. Trong nhiệm kỳ Đại hội X, các cấp ủy đảng kiểm tra hơn 1 triệu đảng viên, phát hiện gần 12.000 đảng viên vi phạm, thi hành kỷ luật gần 3.000 trường hợp; kiểm tra trên 180.000 tổ chức đảng, phát hiện hơn 6.000 tổ chức đảng có vi phạm, xử lý kỷ luật 163 tổ chức. Ủy ban Kiểm tra các cấp kiểm tra hơn 73.500 đảng viên, phát hiện hơn 55.000 trường hợp có vi phạm, thi hành kỷ luật gần 30.000 trường hợp; kiểm tra trên 15.800 tổ chức đảng, phát hiện gần 9.400 tổ chức đảng vi phạm, thi hành kỷ luật hơn 1.100 tổ chức đảng. Tổng số đảng viên bị kỷ luật hơn 76.000 trường hợp, số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật gần 1.800 tổ chức.

⁽¹²⁾ Quốc hội (khóa XII, XIII) đã ban hành 175 Bộ luật, Luật; Chính phủ đã ban hành 1.311 Nghị định, 604 Nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ ban hành 6.110 Chỉ thị, quyết định trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch để phòng ngừa tham nhũng. Trong 10 năm qua cả nước đã ban hành mới hơn 34.885 văn bản và sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ 27.120 văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên các lĩnh vực.

⁽¹³⁾ Bộ Tài chính (3.032 văn bản); Bộ Khoa học và Công nghệ (287 văn bản); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (14 văn bản); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2.986 văn bản); Bộ Tư pháp (17 văn bản); Bộ xây dựng (457 văn bản); Bộ Nội vụ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Giao thông Vận tải; Thanh tra Chính phủ; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (58 văn bản); Bộ Xây dựng (457 văn bản); Bộ Quốc phòng (137 văn bản) v.v...

Trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 2.957 đảng viên có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng; cấp ủy các cấp đã thi hành kỷ luật 3.730 đảng viên và Ủy ban Kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 1.143 đảng viên vi phạm liên quan đến tham nhũng, cố ý làm trái.

b. Trong 10 năm, toàn ngành Thanh tra và các cấp, các ngành đã triển khai 93.696 cuộc thanh tra hành chính và 834.640 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện nhiều tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trên các lĩnh vực; kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính đối với 8.234 tập thể, 33.722 cá nhân; kiến nghị thu hồi 142.160 tỷ đồng, 993.978 USD và 51.515 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 752 vụ, 1.143 đối tượng. Qua hoạt động thanh tra cũng đã phát hiện 670 vụ với 1.815 đối tượng có hành vi, biểu hiện tham nhũng với số tiền, tài sản liên quan là 1.022 tỷ đồng, 73,6 ha đất; chuyển cơ quan điều tra 274 vụ, 429 đối tượng có dấu hiệu tội phạm tham nhũng.

Qua giải quyết 86.463 vụ việc tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền, các cơ quan chức năng cũng đã chuyển cơ quan điều tra 653 vụ việc với 1.172 người có dấu hiệu tội phạm tham nhũng.

c. Từ năm 2007 đến năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện 1.470 cuộc kiểm toán; kiến nghị xử lý tài chính 163.426 tỉ đồng; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ 687 văn bản sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và thực tiễn; Đặc biệt, từ năm 2011-2015, thông qua hoạt động kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện và chuyển 09 hồ sơ về 11 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự được phát hiện qua hoạt động kiểm toán sang Cơ quan Cảnh sát điều tra.

4.2. Công tác điều tra, truy tố, xét xử và thu hồi tài sản tham nhũng:

a. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng trong cả nước: Cơ quan điều tra đã khởi tố 3.337 vụ án/ 7.789 bị can; Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố 2.770 vụ án/ 6.480 bị can; Toà án nhân dân đã xét xử 2.536 vụ án/ 5.749 bị cáo về các tội danh tham nhũng.

Trong 04 năm (2013, 2014, 2015, 2016) đã triển khai 25 Đoàn công tác kiểm tra, giám sát việc thanh tra vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm tại 8 bộ, ngành và 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đến 04-12-2016, trong các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm đã đưa ra xét xử sơ thẩm 21 vụ/262 bị cáo, với 8 mức án tử hình, 15 án chung thân, 6 án tù 30 năm, 218 án tù có thời hạn từ 2 năm đến 25 năm.

b. Công tác thu hồi tài sản tham nhũng:

Trong 10 năm, thiệt hại do các vụ án, vụ việc tham nhũng đã gây ra được phát hiện là 59.750 tỷ đồng và trên 400 ha đất; số tiền đã thu hồi cho nhà nước là 4.676,6 tỷ đồng và trên 219 ha đất. Trong những năm gần đây, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng hàng năm đều

tăng, nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với số tài sản bị chiếm đoạt. Tài sản tham nhũng trong một số vụ án bị tâu tán, không kiểm soát và thu hồi được.

5. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) được quan tâm và đạt những kết quả trên một số lĩnh vực:

5.1. *THTK, CLP trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN)*: Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều Chỉ thị⁽¹⁴⁾ để chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tăng cường thực hiện các biện pháp THTK,CLP trong quản lý, sử dụng NSNN. Trong các năm 2008, 2011, 2013, 2015 Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện sắp xếp các dự toán chi được giao để tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên được giao của một số tháng cuối năm⁽¹⁵⁾.

Chính sách, chế độ về quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được đổi mới theo hướng tăng tính tự chủ cho các cơ quan, đơn vị, giúp giảm áp lực đối với cân đối NSNN⁽¹⁶⁾; thúc đẩy các cơ quan, tổ chức chủ động phân bổ nguồn tài chính theo nhu cầu chi tiêu trên tinh thần tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả⁽¹⁷⁾; từ đó tạo nguồn để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức⁽¹⁸⁾. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020, giảm từ 16 xuống chỉ còn 02, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hạn chế lãng phí. Nhiều địa phương đã thực hiện lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn để bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực.

Công tác THTK,CLP trong quản lý, sử dụng NSNN đã đạt được những kết quả tích cực, trong giai đoạn 2007-2015 cả nước đã tiết kiệm chi NSNN được trên 90.794 tỷ đồng. Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng NSNN và kiểm soát chi NSNN đã được

⁽¹⁴⁾ Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 về việc tăng cường THTK,CLP; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24/5/2013 về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, NSNN năm 2013; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/8/2014 về điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN những tháng cuối năm 2014; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2015,...

⁽¹⁵⁾ Số tiết kiệm thêm: 8 tháng cuối năm 2008 khoảng 2.700 tỷ đồng; 9 tháng cuối năm 2011 khoảng 3.857 tỷ đồng; 7 tháng cuối năm 2013 khoảng 3.080 tỷ đồng; 8 tháng cuối năm 2015 của các bộ, cơ quan Trung ương khoảng 600 tỷ đồng.

⁽¹⁶⁾ Đến năm 2016 hầu hết các Bộ đã giao thực hiện chế độ tự chủ đến các đơn vị trực thuộc; 100% các địa phương đã giao thực hiện chế độ tự chủ đến các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện. Đã có 741 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, ngành được giao tự chủ về tài chính; tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có 24.890 đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính.

⁽¹⁷⁾ Một số bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả tiết kiệm từ cơ chế giao quyền tự chủ đạt khá, như: Bộ Quốc phòng tiết kiệm 37 tỷ đồng; Bộ Tư pháp tiết kiệm 176 tỷ đồng; Ngân hàng Nhà nước tiết kiệm 217 tỷ đồng; Hà Nội tiết kiệm 1.994 tỷ đồng; Quảng Ngãi tiết kiệm 212 tỷ đồng; Đồng Tháp tiết kiệm 140 tỷ đồng; Đắk Lắk tiết kiệm 95 tỷ đồng; Quảng Nam đã tiết kiệm 104 tỷ đồng,...

⁽¹⁸⁾ Mức chi trả thu nhập tăng thêm từ kinh phí tiết kiệm được bình quân là từ 0,1 lần đến 0,5 lần mức lương cấp bậc, chức vụ đối với cơ quan hành chính và từ 0,5 lần đến 1,5 lần tiền lương cấp bậc đối với đơn vị sự nghiệp.

tăng cường, góp phần tích cực trong phòng, chống lãng phí⁽¹⁹⁾. Nhiều khoản chi không đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được Kho bạc Nhà nước phát hiện, từ chối thanh toán và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định⁽²⁰⁾.

5.2. Trong mua sắm, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước: Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đã được ban hành đồng bộ⁽²¹⁾, theo đó công tác mua sắm, quản lý và sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc trong các cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN đã dần đi vào nề nếp. Việc thí điểm mua sắm tài sản, hàng hóa từ NSNN theo phương thức tập trung⁽²²⁾ được triển khai thực hiện tại 25 Bộ, ngành, địa phương đăng ký tham gia, thu được những kết quả tích cực bước đầu⁽²³⁾. Từ năm 2016 việc mua sắm tài sản tập trung tiếp tục được triển khai mở rộng hơn theo Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26-02-2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tình trạng mua sắm, trang bị phương tiện, trang thiết bị làm việc vượt tiêu chuẩn, định mức dần được khắc phục.

Từ năm 2015, thực hiện các quy định mới⁽²⁴⁾ về tiêu chuẩn, định mức, chế độ trang bị, sử dụng xe ô tô công, xe ô tô dùng chung tại mỗi cơ quan, đơn vị chỉ còn từ 01 đến 02 chiếc; dự kiến số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung sau khi sắp xếp lại theo quy định sẽ dôi ra khoảng 7.000 chiếc, sẽ được điều chuyển cho các cơ quan, đơn vị còn thiếu xe so với tiêu chuẩn, định mức hoặc bán, thu tiền nộp NSNN.

5.3. Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng: Hệ thống văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, định mức về quản lý đầu tư xây dựng, đầu tư công đã được hình thành đồng bộ⁽²⁵⁾. Từ năm 2011, thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư đã được nâng lên; từng bước khắc phục tình trạng quy hoạch được duyệt nhưng không triển khai thực hiện, đầu tư không theo quy hoạch. Công

⁽¹⁹⁾ Trong giai đoạn 2006-2015 các cơ quan, tổ chức thuộc ngành Tài chính thực hiện 347.136 cuộc thanh tra, kiểm tra, tập trung vào công tác điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí NSNN; đã phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý về tài chính 94.315 tỷ đồng và 6.241.443 USD.

⁽²⁰⁾ Từ chối thanh toán 2.898 tỷ đồng chi thường xuyên và 1.906 tỷ đồng chi đầu tư xây dựng; phạt vi phạm hành chính 4.457 trường hợp, số tiền phạt 1.120 triệu đồng.

⁽²¹⁾ Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc; Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước; Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập...

⁽²²⁾ Theo Quyết định số 179/2007/QĐ-TTg ngày 26/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽²³⁾ Từ năm 2008 đến năm 2012, số tiền tiết kiệm được thông qua mua sắm tài sản tập trung là trên 467 tỷ đồng.

⁽²⁴⁾ Theo Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính.

⁽²⁵⁾ Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và Luật Doanh nghiệp cùng với hệ thống các văn bản pháp quy quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã được ban hành.

tác kiểm tra, thanh tra các dự án đầu tư được tăng cường, góp phần chấn chỉnh tình trạng vi phạm, gây lãng phí trong đầu tư công. Công tác thẩm tra, quyết toán vốn đầu tư được đẩy mạnh, giúp loại bỏ khỏi giá trị quyết toán các khoản chi sai tiêu chuẩn, định mức, chế độ⁽²⁶⁾. Tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản được kiểm soát chặt chẽ hơn; việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản đã có chuyển biến tích cực, nợ đọng giảm đáng kể so với trước⁽²⁷⁾.

Thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19-01-2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương đã khẩn trương triển khai rà soát, kê khai và thống kê diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ để có phương án sắp xếp lại, xử lý các trường hợp sử dụng sai mục đích, dư thừa diện tích, đảm bảo sử dụng đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định⁽²⁸⁾. Tổng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất của các Bộ, ngành, Tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các địa phương trên phạm vi cả nước là trên 35 nghìn tỷ đồng⁽²⁹⁾.

5.4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên: Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo Chỉ thị số 134/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ được quan tâm triển khai thực hiện⁽³⁰⁾, giúp hạn chế lãng phí do giao đất, sử dụng đất sai mục đích, sai quy định hoặc để đất hoang hóa. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất tràn lan trước đây đã dần được khắc phục; sàng lọc được các nhà đầu tư có năng lực, bảo đảm đưa đất vào sử dụng, không để bỏ hoang, gây lãng phí.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều Chỉ thị để chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản⁽³¹⁾. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, góp phần phát hiện, chấn chỉnh, xử lý vi phạm gây lãng phí⁽³²⁾.

⁽²⁶⁾ Trong giai đoạn 2007-2015, qua công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư 400.844 dự án trong cả nước, đã phát hiện, giảm trừ các khoản đề nghị quyết toán không đúng chế độ trên 24.583 tỷ đồng, góp phần tiết kiệm vốn đầu tư của NSNN.

⁽²⁷⁾ Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31/5/2015 ước khoảng 86.995 tỷ đồng.

⁽²⁸⁾ Tính đến hết tháng 12/2015, các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước thực hiện báo cáo kê khai và đề xuất phương án xử lý nhà đất đối với 154.679 cơ sở nhà đất, với tổng diện tích đất khoảng 3.006 triệu m² và diện tích nhà 139,4 triệu m². Các cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 123.413 cơ sở, với tổng diện tích đất 1.965,7 triệu m² đất; tổng diện tích nhà 115 triệu m².

⁽²⁹⁾ Theo Báo cáo số 174/BC-CP ngày 22/6/2016 của Chính phủ về tình hình quản lý, sử dụng TSNN năm 2015.

⁽³⁰⁾ Từ năm 2010 đến năm 2013, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phát hiện, chấn chỉnh, xử lý đối với 8.161 tổ chức có vi phạm pháp luật về đất đai với diện tích đất bị vi phạm là 128.033 héc-ta.

⁽³¹⁾ Chỉ thị số 18/2008/CT-TTg ngày 01/9/2008, Chỉ thị số 29/2008/CT-TTg ngày 02/10/2008, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012...

⁽³²⁾ Năm 2012 Bộ TN&MT đã chủ trì tổ chức 06 đợt kiểm tra trên quy mô toàn quốc, đã phát hiện và thu hồi khoảng 200 Giấy phép khai thác khoáng sản do các địa phương cấp sai quy định... Năm 2014, Bộ TN&MT đã thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản tại nhiều địa phương trong cả nước, qua đó đã chấn chỉnh việc khai thác không có giấy phép; không có thiết kế mỏ được phê duyệt, không cắm mốc ranh giới khu vực khai thác,...

Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được triển khai thực hiện từ năm 2006. Các cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN đã thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm điện, phấn đấu tiết kiệm 10% chi phí điện năng sử dụng hàng năm.

5.5. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động khu vực nhà nước: Việc tổ chức thực hiện Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và Đề án “Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức” đã đạt được những kết quả tích cực trên các nội dung: Xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức⁽³³⁾; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh công chức, viên chức⁽³⁴⁾; nâng cao chất lượng thi tuyển, thi nâng ngạch công chức; đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo cấp vụ, cấp sở, cấp phòng; chấn chỉnh công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, để nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ⁽³⁵⁾; thực hiện chính sách tinh giản biên chế để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁽³⁶⁾; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức v.v. . .

5.6. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp: Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tăng cường kiểm soát việc sử dụng vốn của các doanh nghiệp nhà nước, rút dần vốn ra khỏi các lĩnh vực ngoài ngành nghề kinh doanh chính và có nhiều rủi ro⁽³⁷⁾. Công tác sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh⁽³⁸⁾. Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015 đã được tích cực triển khai thực hiện và thu được một số kết quả tích cực.

5.7. Trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân: Trong 10 năm qua, nhất là thời gian gần đây ý thức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều tập tục lạc hậu gây lãng phí tiền của, thời gian của nhân dân đã từng bước được xoá bỏ.

6. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên trách về PCTN từng bước được kiện toàn, phát huy hiệu quả

6.1. Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN và cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo:

Ngày 01-02-2013 Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 162-QĐ/TW thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, do đồng chí Tổng Bí thư làm Trưởng ban.

⁽³³⁾ Đến hết năm 2015, Bộ Nội vụ đã thẩm định và phê duyệt Danh mục vị trí việc làm của 63/63 địa phương và một số bộ, ngành: Bộ LĐ-TB&XH; Thanh tra Chính phủ; Bộ KH&CN; VP Chính phủ; Bộ Nội vụ; UB Dân tộc...

⁽³⁴⁾ Đã ban hành được 59 tiêu chuẩn chức danh ngạch công chức; quy định 37 bộ tiêu chuẩn cho 113 chức danh nghề nghiệp của viên chức.

⁽³⁵⁾ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 19/3/2014 về việc đẩy mạnh phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý công chức, viên chức và thi đua khen thưởng

⁽³⁶⁾ Đến năm 2015, đã có 14 Bộ, ngành, 32 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tinh giản biên chế năm 2015 và 01 Bộ, 13 tỉnh, thành phố đề nghị giải quyết tinh giản biên chế đợt I năm 2016 với số đối tượng tinh giản là 5.433 người - Nguồn: Báo cáo số 5972/BC-BNV ngày 17/12/2015 của Bộ Nội vụ về tổng kết công tác năm 2015.

⁽³⁷⁾ Giai đoạn 2011-2015 các Tập đoàn, Tổng công ty đã thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề chính 10.742 tỷ đồng và 6 tháng đầu năm 2016 tiếp tục thoái vốn được 424 tỷ đồng.

⁽³⁸⁾ Giai đoạn 2006-2010 đã cổ phần hóa được 646 doanh nghiệp; giai đoạn 2011-2015 và 6 tháng đầu năm 2016 có 531 doanh nghiệp được phê duyệt phương án cổ phần hóa, đã thực hiện cổ phần hóa 478 doanh nghiệp

Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN đã chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07-12-2015 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng”; chỉ đạo các cơ quan chức năng hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội và PCTN; chỉ đạo đưa 08 vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp ra xét xử và đang chỉ đạo tiếp tục đưa các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp ra xét xử trong năm 2017...

Đồng thời với việc tổ chức lại Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Quyết định số 158-QĐ/TW, ngày 28-12-2012 thành lập Ban Nội chính Trung ương làm nhiệm vụ Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo.

6.2. Các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục được củng cố, kiện toàn, là những lực lượng chủ công trong chống tham nhũng

Cục Chống tham nhũng thuộc Thanh tra Chính phủ được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2006.

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng (C48), trực thuộc Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an được thành lập năm 2007. Ngày 07-4-2015, Bộ trưởng Bộ Công an đã ra Quyết định số 1735/QĐ-BCA hợp nhất Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng thành Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng (C46).

Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2007. Đến ngày 20-11-2015, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quyết định số 05/QĐ-VKSTC-V5 kèm theo quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án tham nhũng, chức vụ.

6.3. Các ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy:

Thực hiện Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 08-4-2013 của Ban Bí thư, 63 ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã được thành lập.

7. Giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với công tác PCTN, LP được quan tâm hơn

Hoạt động giám sát của Quốc hội đối với công tác PCTN, LP được quan tâm và hiệu quả hơn thông qua việc thảo luận, chất vấn, cho ý kiến đối với các báo cáo của Chính phủ, các bộ, ngành chức năng về công tác PCTN, LP; ban hành Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm về kinh tế, chức vụ và tham nhũng.

Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, của các Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng đã được phát huy, giúp nâng cao vai trò giám sát của xã hội ở cơ sở, góp phần hạn chế tiêu cực, tham nhũng.

8. Hợp tác quốc tế về PCTN

Quan hệ hợp tác quốc tế về PCTN giữa Việt Nam với nhiều quốc gia trên thế giới tiếp tục mở rộng và củng cố. Việt Nam đã phê chuẩn, ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng; nhiều nội dung Công ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng từng bước được nội luật hoá; tổ chức thi hành nghiêm túc các Nghị quyết của Hội nghị quốc gia thành viên Công ước và các thỏa thuận hợp tác trong khu vực.

Việt Nam đã tham gia tích cực, hiệu quả các diễn đàn, sáng kiến khu vực về PCTN. Các cơ quan chức năng của Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan chức năng của các nước tiến hành điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế liên quan đến nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật, đạt kết quả tích cực.

II. Những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

1. Hạn chế, yếu kém

1.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục về PCTN, LP hiệu quả chưa cao, chưa tạo được sự chuyên biến căn bản về nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân đối với công tác PCTN, LP. Người dân và doanh nghiệp còn tâm lý cần phải chấp nhận chi phí không chính thức để thuận lợi hơn khi giải quyết công việc; tâm lý thờ ơ, ngại đấu tranh với các biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, công chức, viên chức khá phổ biến; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của báo chí và nhân dân trong phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí. Việc xây dựng văn hoá tiết kiệm, không tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức.

1.2. Nhiều chi bộ đảng chưa quản lý tốt đảng viên, chưa phát hiện và đấu tranh kịp thời những trường hợp có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí. Chưa có quy định và thiếu kiên quyết điều chuyển, thay thế cán bộ khi có dư luận hoặc có biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín thấp. Việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, vướng mắc, hiệu quả thấp. Tình trạng tham nhũng thông qua chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy bằng cấp v.v... chưa được ngăn chặn, đẩy lùi.

1.3. Cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực vẫn còn thiếu chặt chẽ, chưa phù hợp với thực tiễn. Nhiều quy định về các giải pháp phòng ngừa tham nhũng còn mang tính hình thức, khó khăn, vướng mắc, hiệu quả thấp trong tổ chức thực hiện, nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung. Cải cách hành chính hiệu quả chưa cao, nhiều quy định về công khai, minh bạch chưa được thực hiện nghiêm túc.

1.4. Công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tự phát hiện, xử lý tham nhũng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị; nhiều trường hợp xử lý chưa nghiêm, còn có tình trạng lạm dụng xử lý hành chính. Số vụ việc, vụ án được phát hiện, xử lý chưa tương xứng, chưa phản ánh đúng thực trạng tham nhũng, lãng phí hiện

nay. Công tác tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị còn nhiều hạn chế, yếu kém. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí. Hoạt động thanh tra, kiểm toán phát hiện nhiều sai phạm về kinh tế, nhưng việc phát hiện tham nhũng để chuyển cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật còn ít. Tiến độ điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án tham nhũng, kinh tế, nhất là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp còn bị kéo dài, có vụ chất lượng chưa cao. Tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng vẫn còn rất thấp so với số tài sản thực sự bị chiếm đoạt, thiệt hại.

1.5. Công tác giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp về PCTN, LP chưa thường xuyên, có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao, nhất là giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân đối với công tác PCTN, LP còn hạn chế.

1.6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa được quan tâm đúng mức; lãng phí trong cơ quan nhà nước và trong xã hội còn rất nghiêm trọng. Công tác PCTN, LP chưa đạt mục tiêu “ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí”. Tham nhũng, lãng phí với biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên diện rộng, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong nhân dân, đang là vấn đề thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém

2.1. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết ở nhiều nơi chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao; một số chủ trương, giải pháp trong Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) và Kết luận Hội nghị Trung ương 5 (khoá XI) chưa hoặc chậm được thể chế hoá, chưa được triển khai thực hiện hoặc thực hiện chưa nghiêm.

Giữa quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước và hành động thực tiễn của không ít cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức còn khoảng cách, nói không đi đôi với làm. Nhiều cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực sự gương mẫu, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và thực hiện công tác PCTN, LP. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ cao cấp còn thiếu tu dưỡng, rèn luyện, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân, chạy theo danh lợi, tiền tài, tham nhũng, lãng phí.

2.2. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới cơ chế, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội và PCTN, LP còn chậm, có lúc chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng một số văn bản chưa cao, chưa có giải pháp đủ mạnh để làm triệt tiêu động cơ tham nhũng, một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí còn hình thức, vướng mắc trong thực hiện nhưng chậm được tháo gỡ, làm giảm hiệu quả công tác PCTN, LP. Việc thực thi pháp luật nói chung và các quy định về PCTN, LP của Đảng và Nhà nước nói riêng nhìn chung chưa nghiêm. Sự phối hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử chưa chặt chẽ, xử lý chưa đủ nghiêm minh.

